

GIÁO DỤC VĂN HÓA CHO HỌC SINH DÂN TỘC

THIẾU SỐ VÀ TRỮ LƯỢNG VĂN HÓA TRONG SÁCH

TIẾNG MÔNG THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC SONG NGỮ

TS. ĐÀO THỊ BÌNH

Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Dân tộc

1. Giáo dục văn hóa cho học sinh dân tộc thiểu số

Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các thành phần dân tộc trong đại gia đình dân tộc Việt Nam là một vấn đề hàng đầu của cách mạng nước ta. Trong chính sách dân tộc của Đảng, chính sách bảo tồn và phát huy văn hóa đối với các dân tộc thiểu số luôn nhất quán.

Việc giảng dạy văn hóa dân tộc thiểu số trong nhà trường Việt Nam hơn 60 năm qua đã được quan tâm. Nội dung văn hóa dân tộc thiểu số Việt Nam đã được đưa vào chương trình, giáo trình, sách giáo khoa giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng chuyên ngành và trong chương trình giáo dục phổ thông.

Trong nhà trường, giáo dục văn hóa có nghĩa là cung cấp cho các em những kiến thức về văn hóa, giúp các em yêu quý văn hóa của dân tộc mình, tôn trọng văn hóa của các dân tộc anh em và văn hóa dân tộc Việt Nam nói chung, nhằm nâng cao nhận thức, tình cảm của học sinh về văn hóa và hòa nhập văn hóa. Giáo dục văn hóa tộc người - văn hóa có tính đặc thù là vô cùng cần thiết bởi không có thứ văn hóa chung chung. Tuy nhiên, trong một quốc gia đa dân tộc, nhu cầu hiểu biết lẫn nhau và đối thoại giữa các dân tộc là vô cùng quan trọng. Đây là cơ sở để từ đó dẫn đến sự tôn trọng lẫn nhau giữa các dân tộc, đảm bảo cho sự phát triển của mỗi dân tộc và cả đất nước.

Với nhà trường ở vùng dân tộc thì giáo dục văn hóa còn mang một ý nghĩa sâu sắc khác. Trọng trách đặt lên vai ngành Giáo dục là phải đào tạo được một đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số có trình độ chuyên môn cao với những tri thức tiên tiến, cập nhật và cả những tri thức đặc thù, tri thức truyền thống được tích lũy trong suốt quá trình phát triển của cộng đồng. Đây chính là cái khác rất cơ bản so với yêu cầu giáo dục - đào tạo nói chung.

Giáo dục văn hóa cho học sinh dân tộc có thể xem là một nhiệm vụ và có ý nghĩa sâu xa nhằm đảm

bảo chất lượng của mục tiêu đào tạo con người cho một vùng kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn.

Với sách giáo khoa dạy tiếng dân tộc ở tiểu học, văn hóa tộc người cần được giới thiệu những nội dung sơ giản phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi và khả năng nhận thức của các em, không cần cắt nghĩa quá sâu ở tầng văn hóa học, dân tộc học (hiện tượng văn hóa này bắt nguồn từ đâu, từ tín ngưỡng nào.v.v). Điều cần phản ánh chỉ nên là những hiện tượng văn hóa gần gũi, phổ biến có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển toàn diện của trẻ; những nét nhân văn, tinh thần lạc quan, ý chí vươn lên trong điều kiện khắc nghiệt, hay tình yêu cuộc sống của đồng bào các dân tộc. Các nội dung văn hóa cần được thể hiện hài hòa, thống nhất ở cả kênh hình và kênh tiếng (chữ). Người làm chương trình, sách giáo khoa cần xem đây là cơ hội thuận lợi nhất để biểu dương văn hóa tộc người, làm sao để mỗi con chữ, mỗi bức tranh, mỗi ngữ liệu... là một thông điệp về văn hóa.

2. Dân tộc Mông và một số nội dung văn hóa dân tộc

2.1. Dân tộc Mông chiếm tỉ lệ 1% dân số cả nước, sống rải rác trong các tỉnh dọc biên giới Việt Trung, Việt Lào, từ Lạng Sơn đến Nghệ An và cư trú tập trung ở các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La.

Tộc danh Hmôngz đọc gần như Mông. Các dân tộc khác nhau gọi người Mông với những tên khác nhau. Người Trung Quốc gọi người Mông là Miêu, phát âm gần như là Mèo. Người Kinh (trước đây) gọi người Mông là Mèo, người khu Bốn gọi theo âm địa phương là Mẹo. Gần đây có người gọi Hơ Mông. Các tên gọi Miêu, Mèo, Mẹo, Hơ Mông đều không đúng, không được đồng bào chấp nhận.

Theo tên tự, người Mông có năm ngành chính: Mông Đơ (Mông trắng); Mông Lénh (mống sỉ); Mông Hoa (Mông đỏ); Mông Đu (Mông đen); Mông Sua (Mông Hán). Các tên tự này, chủ yếu dựa vào sự khác nhau về y phục và tiếng nói.



2.2. Văn hóa dân tộc Mông được hình thành từ lâu đời và có bản sắc riêng. Để giáo dục văn hóa cho học sinh người Mông, phải nắm vững những hiện tượng văn hóa đang tồn tại trong cộng đồng, bao gồm cả những biến đổi của nó theo hướng tích cực hoặc tiêu cực.

Có người cho rằng bản sắc văn hóa Mông đã phai nhạt. Nghiên cứu văn hóa Mông và sự tồn tại những nét văn hóa này trong đời sống cộng đồng người Mông hiện nay cho thấy, có ít nhất 5 điều chứng minh rằng nhận định trên là không có cơ sở.

Thứ nhất, về ngôn ngữ, giao tiếp phổ biến trong các gia đình người Mông, trong các phiên chợ người Mông vẫn là tiếng mẹ đẻ. Nhìn chung, sự khác biệt trong tiếng nói giữa các ngành Mông chỉ là sự khác biệt không nhiều lắm về từ vựng. Xét về mặt ngữ âm, tiếng nói các ngành có một vài “giọng” khác nhau, tạo nên sự khác biệt có quy tắc. Theo ý kiến của các trí thức người Mông, tiếng nói Mông Lènh và Mông Đu phổ biến hơn so với tiếng các ngành Mông còn lại. Tiếng Mông Lènh được chọn làm cơ sở để xây dựng chữ Mông. Cho đến nay, các sách biên soạn bằng tiếng Mông, đài phát thanh và truyền hình Trung ương bằng tiếng Mông, chủ yếu sử dụng tiếng Mông Lènh. Sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc (từ năm 1954), Nhà nước ta đã tổ chức nghiên cứu tiếng Mông. Chữ Mông đã được phê chuẩn và ban hành năm 1961 [3]. Từ khi được ban hành, chữ Mông đã được sử dụng trong dạy và học ở vùng đồng bào Mông. Người Mông trân trọng chữ viết của mình như một phần tâm linh, máu thịt. “Người Mèo có chữ” được xem như một sự kiện trọng đại.

Thứ hai, về nhà ở. Nhà của người Mông thường được xây cất gần nguồn nước, gần nương, đi lại thuận tiện. Nhà định cư của người Mông ở Hà Giang, Lào Cai... lấy nguyên liệu chính là gỗ và đất. Gỗ dùng để làm mái, đất dùng làm nguyên liệu trình tường. Kỹ thuật làm mộc khá tinh xảo. Cấu trúc ngôi nhà của người Mông gồm ba gian giữa có cửa chính nhìn về phía trước nhà. Đây là gian tiếp khách. Vách sau của gian giữa là chỗ thiêng, cửa chính của nhà có ngưỡng cao khoảng 40cm. Gian bên cạnh có bếp để nấu ăn, có buồng ngủ của con lớn. Ở đây, cũng có một cửa phụ để người nhà đi lại. Gian bên kia cũng có một bếp sưởi và buồng ngủ của chủ nhà. Nhà của người Mông thường có gác nhỏ để chứa lương thực, hoa màu hoặc thực phẩm khô. Những kiêng kị về nhà ở không hề thay đổi: khi đi vào cổng nhà hoặc đến cửa nhà, nếu thấy có cành lá xanh cẩm ở cổng hoặc cạnh cửa, đấy là dấu hiệu cấm người ngoài vào

nha. Khi bước vào nhà không được dẫm lên ngưỡng cửa. Có dòng họ, phụ nữ (con dâu và con gái) không được trèo lên gác...

Thứ ba, về trang phục và sắc hoa văn trên váy áo. Nếu như ở một số vùng, cư dân chăn nuôi dùng lông gia súc chế biến thành len, dạ, rồi từ đó làm ra quần áo; cư dân sống bằng nghề săn bắn tận dụng da thú để mặc, thì với đồng bào Mông, là cư dân trồng trọt, họ trồng cây có sợi thô.... để dệt ra vải làm quần áo, đó là cây lanh. Tháng một, tháng hai, có nơi tháng hai, tháng ba là thời vụ trồng lanh. Sau ba tháng sinh trưởng, cây lanh đến mùa thu hoạch. Để quá ba tháng cây lanh sẽ bị già. Sợi lanh già không tốt. Phụ nữ Mông hầu như không lúc nào để rảnh tay, kể cả khi đi trên đường họ đều tranh thủ tưới và nối các sợi lanh. Váy của phụ nữ dân tộc Mông là một trong những đặc điểm được các nhà nghiên cứu dân tộc học chú ý. Váy của phụ nữ Mông là loại váy mở, có nhiều nếp gấp, chiều dài của váy gần bằng chiều rộng của hai khổ vải dệt thủ công (khoảng 70cm), nếu trải rộng váy ra thì chiều rộng của váy có thể dài khoảng 2m. Váy của người Mông thường có ba loại màu sắc khác nhau: màu trắng; màu đen hoặc thêu, in hoa, ghép vải hoa. Trang phục của đồng bào Mông, có nơi còn có áo cúng bò (áo mặc trong lần giết bò làm ma cho bò mẹ), áo mặc cho người chết. Cũng như áo cúng bò, áo mặc khi chết được khâu bằng vải đẹp và nhất thiết phải là vải lanh. Mô típ hoa văn phổ biến nhất là các hoa văn hình học. Trang sức với họ, vừa là nhu cầu thẩm mỹ vừa là khoe của; đôi khi nó còn mang màu sắc mê tín. Đồ trang sức của người Mông được làm chủ yếu bằng bạc. Đó là các loại trang sức thông thường như khuyên tai, vòng cổ, vòng tay.

Thứ tư, đồ dùng trong gia đình, đồ ăn, thức uống và đồ hút. Đồ dùng của người Mông chủ yếu là những hiện vật được làm từ gỗ, tre, nứa: Cái chõ đồ cơm (máo của) được làm từ một khúc gỗ tròn, cưa hai đầu, đục khoét rỗng ở giữa; Chiếc thùng chứa nước làm bằng nhiều mảnh gỗ ghép lại, có nhiều cỡ khác nhau; Chậu, bát, thìa, bàn ăn, ghế ngồi...đều bằng gỗ, thô nhưng rất đẹp. Giường ngủ của đồng bào Mông thường làm bằng cây mai, cây vầu. Trong các đồ dùng được làm bằng tre, có gùi (lùi cở) để địu hàng khi đi chợ, rá đựng cơm trong bữa ăn gia đình. Thức ăn của đồng bào Mông lấy từ cây ngô và lúa nương. Từ hạt ngô, chế biến thành món ăn mèn mén khá nổi tiếng. Một bữa ăn thông thường của đồng bào Mông gồm một rá cơm, một hai bát canh rau cải hoặc canh đậu răng ngựa, hay canh đậu hà lan. Canh

của đồng bào Mông rất nhạt muối. Ngoài món canh, thường có món ớt nướng giã với muối. Món ăn đặc trưng là món "thắng cố". Món này gồm tất cả các loại thịt, xương, lòng, gan, tim phổi của một con vật như bò, dê, ngựa ... được chặt thành từng miếng nhỏ rồi đem nấu chung trong một chảo đồ đáy nước. Thức uống của đồng bào Mông tương đối đơn giản: nước rau luộc, nước lă, nước chè, sẵn thứ nào uống thứ đó. Khi đi làm trên nương, chủ yếu uống nước từ trong khe chảy ra. Đồng bào Mông uống rượu tự nấu từ ngô. Đồng bào hút thuốc lá tự trồng, loại thuốc này lá to, dày. Thuốc lá cũng là thứ đồng bào dùng mời chào khách, bắt đầu câu chuyện.

Thứ năm, về nhạc cụ, có nhiều loại: khèn, đàn môi, kèn lá, sáo trúc. Nhạc cụ Mông rất khác lạ. Người Mông chỉ cần ngắt một chiếc là đưa lên miệng cũng thành chiếc kèn cất lên âm thanh réo rát. Sáo trúc, đàn môi cũng tự tay chế tác. Tiếng đàn môi thì rู้ rỉ, tiếng sáo trúc thì trong veo. Người Mông chơi khèn rất giỏi. Họ vừa múa, vừa thổi, xoay tròn ngả nghiêng trên mặt đất mà tiếng khèn không bao giờ lạc phách. Em trai mới làm quen được cây rựa đã tập thổi khèn.

Chợ Mông là nơi thể hiện đậm nét văn hóa tộc người. Nó không đơn thuần là nơi mua bán mà còn là nơi giao lưu. Chẳng cần mua bán gì, cứ phiên chợ là người người rủ nhau xuống chợ để gặp bạn bè uống với nhau bát rượu, ăn với nhau mấy miếng thắng cố. Trai gái quây quần bên nhau trong điệu khèn, tiếng hát. Bài ca trong hang đá, Tiếng khèn gọi bạn... là những bài hát có những làn điệu thiết tha, da diết không thể trộn lẫn của người Mông.

3. Giáo dục văn hóa Mông và sự lựa chọn nội dung đưa vào sách tiếng Mông

Việc giáo dục văn hóa Mông trong nhà trường là cần thiết. Do những quy định chặt chẽ về tính sử phạm, tính giáo dục, chúng ta không thể đưa nội dung văn hóa vào chương trình, sách giáo khoa một cách tùy tiện. Với tinh thần hòa nhập văn hóa, sách tiếng Mông (chương trình nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ) đã dung nạp cả văn hóa dân tộc Mông và văn hóa các dân tộc anh em trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, mà trước hết là văn hóa các dân tộc có địa bàn cư trú gần gũi.

Bên cạnh các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng phù hợp với từng lớp học, từng phân môn, sách đã coi trọng mục tiêu giáo dục tư tưởng, đạo đức cho học sinh. Các chủ đề, chủ điểm chính được trình bày theo kiểu xoáy tròn ốc, mở rộng và nâng cao dần từ lớp 1 đến lớp 5 (hiện nay đã biên soạn xong sách tiếng

Môn lớp 3) bao gồm: Học sinh (bản thân); Học sinh với gia đình; Học sinh với thầy cô và nhà trường; Học sinh với thế giới tự nhiên và môi trường xung quanh; Học sinh với lãnh tụ và quê hương đất nước.

Từ lớp 1 đến lớp 3 (và sau này là đến lớp 5), *Em bé người Mông* (Lử, Mỉ, Thào Mai, Sùng, Páo...) lớn dần lên trong từng trang sách, cùng với các nét văn hóa dân tộc Mông.

3.1. Em bé người Mông nghe, nói, đọc, viết, làm toán, học hát...bằng tiếng mẹ đẻ. Các ngữ liệu đã thể hiện khá rõ bản chất ngôn ngữ tiếng Mông. Người Mông xưng hô chỉ đơn giản hai ngôi mày – tao, anh – tôi. Người Mông nói gì, trình bày cái gì cũng giản dị, cụ thể. Có ví von, so sánh cũng là để cho thật cụ thể. Cách nói đó được thể hiện trong hầu hết các ngữ liệu tập đọc, kể chuyện, luyện từ và câu, tập làm văn.v.v (*Học chữ, Trang sách, Bác Hồ như ánh mặt trời, Biết chữ sẽ học được nhiều điều... - Sách tiếng Mông lớp 2*). Có thể thấy một trường hợp khá điển hình về sự khác biệt trong cách nói, cũng là sự khác biệt về văn hóa: trong bài Luyện từ và câu tuần 32 lớp 3 kì II có câu: *Taos iz chê tsuv maoz tangl, uô changl tuz tsang tsi taul cxeik cu tou sour!* (Cả người ghế bị đau hết, không nhấc chân lên được). Cùng một hiện tượng miêu tả gió thổi mạnh, người Việt có thể chọn hình ảnh gió luồn, gió rít, gió táp vào mặt người, gió ào ào...nhưng với người Mông thì đơn giản là: *Chuô hluz*. Trong câu ghép, tiếng Việt thường sử dụng các cặp từ quan hệ: nếu ...thì...; không những....mà còn...; tuy thế....nhưng mà...; dù thế nào....cũng....Song trong tiếng Mông thường chỉ dùng một từ quan hệ đơn lẻ.

3.2. Trong sách, em bé người Mông xuất hiện với trang phục khi thi truyền thống (trang phục dân tộc khi ngồi nghe bà kể chuyện, khi lên nương, đi chợ, lễ hội), khi thi hiện đại trong bộ đồng phục học sinh (khi đến lớp, khi chào cờ...). Các nhân vật xung quanh em như thầy cô, bạn bè, cha mẹ, anh chị, già bánp... thường xuất hiện trong trang phục Mông và trong môi trường văn hóa Mông như ruộng bậc thang, dòng suối, rừng cây, vườn đào, vườn mận, bếp lửa hồng... với nhạc cụ hoặc đồ vật thân thương như khèn, đàn môi, khung cửi, con thoi, cái búa, cái rìu, cọc trúc, gùi, thùng gỗ....

Ngữ liệu trong sách chứa đựng văn hóa dân tộc Mông với những nét sinh hoạt gia đình, làng bản và trong mối quan hệ với môi trường thiên nhiên hoang sơ, hùng vĩ: Em bé người Mông ăn cơm nắm và tắm giặt ở suối (*Hangr Đêx Nxuak* (*Háng Đề Sua*) – Tiếng Mông lớp 3); Em tìm hiểu về rừng núi quê mình: *Vèv lê changl chêr ntông cha khênhx- Vì sao*



thân cây lại có hình tròn, *Txir houk - Thảo quả, Txir tuz ziz - Cây sơn tra* (Tiếng Mông lớp 1, tập 2); *Ntux tsâux taox saz - Mùa đông ở rèo cao, Suôz puôv - Sa Pa, Tsaoz shôngz trôuv đrôngl Hmôngz Tsaoz shôngz trôuv đrôngl Hmôngz* - Cây trúc vùng Mông, *Tsaoz mangx - Cây lanh, Txir khôuz laz plôur nhaoz Puôv Huôr - Mận tam hoa Bắc Hà, Jôngr cuêv fix - Rừng quế, Tur dha hâur jôngr - Cuộc chạy đua trong rừng, Tsaz nhaoz Hôngx Ngaix - Tết ở Hồng Ngài...* (Tiếng Mông lớp 2), *Traor nrar đuô ntôur tru Hmôngz - Tim lại chữ viết cho người Mông, Hmôngz lê tsôngl yao - Trang phục người Mông, Hmôngz lê ntâuz mangx - Vải lanh của người Mông, Ndăngk - Đàm môi, Hmôngz lê luv phux - Nhị của người Mông, Hmôngz lê chês nuv trâuk găngx - Nghề nhuộm chàm của người Mông, Păngx chaz - Hoa sáp ong...* (Tiếng Mông lớp 2 và 3).

3.3. Trong sách Tiếng Mông, thế giới xung quanh cũng được mở ra khá rộng rãi. Có con vật không có ở núi cao: *Vêv lê changl njêl phux txir tsas nhaoz hâur angr - Tai sao Trê lai sống ở bùn* (Tiếng Mông lớp 1). Có những dân tộc địa bàn cư trú gần gũi như người Dao, người Tày, người Nùng: *Suôz Puôv - Sa Pa* (Tiếng Mông lớp 2), *Vux A Zênhz - Vừ A Dính, Tix lâul Kim Đôngx - Anh Kim Đồng, Jix Nangx Hmaor nhav - Việt Nam thân yêu...* (Tiếng Mông lớp 3). Học sinh không chỉ được học về gia đình, dòng họ, về cộng đồng của mình mà còn được tiếp xúc với các anh hùng, các trí thức yêu nước, những người con tiêu biểu của đất nước như: *Zouv Đaox Duik Tux lê pêv - Chuyện ông Đào Duy Tú, Lênhx zôuv cxaov yaz meir têr lôngx xôngz - Người sáng tạo ra máy bóc vỏ lạc, Ziz xênhz Đăngv Văngk Ngur - Bác sĩ Đặng Văn Ngữ...* (Tiếng Mông lớp 2 và 3). Các em cũng được gặp Bác Hồ qua các bài đọc và câu chuyện: *Zouv Côngz Hôx xûk luz hnuz chi - Bác Hồ như ánh mặt trời, Luz yao sur - Chiếc áo ấm, Tsi muôx đângz tsi qaor - Không có việc gì khó, Cur cõuv Zouv Côngz Hôx na hak - Con học Bác Hồ đấy ạ...* (Tiếng Mông lớp 3).

Trong tiêm thức của người Mông, ý thức về dòng họ có vị trí chi phối đến các luồng tư tưởng và suy nghĩ khác. Dù đây là một nét văn hóa của người Mông song một khi quá nhấn mạnh, không tránh khỏi những ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu đào tạo con người Việt Nam trong thời đại mới. Chính vì vậy, bên cạnh những ngữ liệu chứa đựng nội dung đời sống và văn hóa dân tộc Mông, có tới 1/3 ngữ liệu sách tiếng Mông chương trình giáo dục song ngữ viết về các chủ đề rộng lớn, bao quát hơn: về môi trường và ý thức bảo vệ môi trường, về quê hương đất nước, về nhân tài đất nước và lãnh tụ.

Qua các ngữ liệu này, dấu ấn văn hóa đại gia đình các dân tộc Việt Nam được thể hiện khá rõ.

4. Đề xuất xung quanh vấn đề giáo dục văn hóa trong nhà trường ở vùng dân tộc

Nhìn chung, việc giáo dục văn hóa dân tộc trong sách Tiếng Mông chương trình nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ đã được coi trọng đúng mức, thể hiện quan điểm và sự nhận thức đúng đắn của người thiết kế và thực hiện chương trình đối với việc bảo tồn phát huy văn hóa dân tộc thiểu số.

Nhằm tiếp tục bảo tồn, phát huy văn hóa Mông trong mối tương quan với văn hóa của đại gia đình các dân tộc Việt Nam, cần: 1/Kiểm soát thật tốt việc đưa nội dung văn hóa dân tộc Mông và các dân tộc khác trong tài liệu nhằm tạo ra sự hài hòa giữa giáo dục ngôn ngữ và giáo dục văn hóa, giữa văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể; 2/Có quan điểm và sự chỉ đạo cụ thể về dung lượng, chất lượng nội dung văn hóa và hình thức thể hiện; 3/Bảo đảm sự liên thông giữa các môn học, liên thông giữa các lớp trong cấp học; 4/Khai thác tốt tiềm năng của đội ngũ trí thức dân tộc; 5/Người biên soạn sách dạy tiếng Mông phải hội tụ được nhiều năng lực (năng lực ngôn ngữ, năng lực văn hóa, năng lực sư phạm...), trong điều kiện hiện nay, tốt nhất là tổ chức phối hợp nhiều lực lượng xã hội cùng tham gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Hiểu biết để hành động, Comprendre pour agir*, Paris, 1997, Unesco xuất bản.

2. Trần Văn Bình, *Phát triển văn hóa, con người và nguồn lực trong cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong xu thế hiện đại hóa đất nước – Nghiên cứu con người – Đối tượng và những hướng chủ yếu*, NXB Khoa học Xã hội - 2002.

3. Nghị định số 206 TTg/CP của Thủ tướng Chính phủ, ngày 27 tháng 11 năm 1961.

SUMMARY

This article addresses the teaching of culture to ethnic students and cultural amount in H'Mong textbooks of the bilingual program. The author presents some facts about H'Mong culture, the selection of content to be included in H'Mong language textbooks and some proposals on teaching of culture in schools with ethnic minorities.